

CC - Thay thế '08/2011 (16.3.2011)

HHL.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2015/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 11 tháng 02 năm 2015

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương, cụ thể như sau:

1. Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất nộp tiền thuê đất hàng năm trên địa bàn tỉnh Hải Dương là 1%, riêng đối với:

a) Vị trí đất thuê thuộc các phường: Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, Quang Trung, Trần Phú và Nguyễn Trãi thuộc thành phố Hải Dương là 1,3%;

b) Vị trí đất thuê thuộc các phường: Lê Thanh Nghị, Tân Bình, Thanh Bình, Bình Hàn, Cẩm Thượng và Ngọc Châu thuộc thành phố Hải Dương và phường Sao Đỏ thuộc thị xã Chí Linh là 1,25%;

c) Vị trí đất thuê thuộc các phường còn lại, các thị trấn; vị trí đất thuê tại ven quốc lộ, tỉnh lộ, các đầu mối giao thông, khu thương mại, du lịch, công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề ngoài đô thị trên địa bàn tỉnh là 1,2%;

d) Đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư:

- Đối với thửa đất thuê thuộc các phường, thị trấn, ven đường quốc lộ, tính lệ là 0,6%;

- Đối với thửa đất thuê tại các vị trí còn lại là 0,5%.

đ) Đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư:

- Đối với thửa đất thuê thuộc các phường, thị trấn, ven đường quốc lộ, tính lệ là 0,7%;

- Đối với thửa đất thuê tại các vị trí còn lại là 0,6%.

e) Đối với các thửa đất thuê giáp ranh thì tính theo mức tỷ lệ phần trăm (%) cao nhất của các vị trí giáp ranh.

2. Đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm không gắn với công trình xây dựng trên mặt đất có mục đích kinh doanh:

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: Đơn giá bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng;

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

3. Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt có thu tiền thuê đất thì đơn giá thuê đất phải nộp của phần diện tích vượt thêm được xác định theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 2 Điều này.

4. Đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước thuộc nhóm đất quy định tại Điều 10 Luật Đất đai:

a) Đối với phần diện tích đất không có mặt nước, xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Đối với phần diện tích đất có mặt nước thì đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê bằng 50% đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề, cùng mục đích sử dụng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ban hành Quy định về đơn giá thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

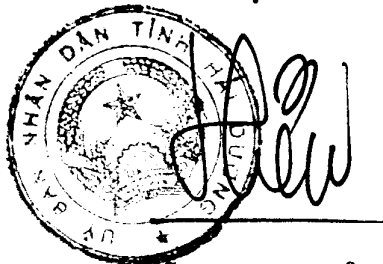
Các quy định khác về đơn giá tính thu tiền thuê đất không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và Chuyên viên liên quan;
- Như điều 3;
- Trung tâm Công báo và Tin học - VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP, Thuyết

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hiền